Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk
Tỉnh Đắk Lắk
11.07.2019 14:22:22 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1780 /QĐ-UBND	*Đắk Lắk, ngày 09 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra kết quả xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008/2015 tại các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3486/QĐ-UBND, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 32/TTr-SKHCN ngày 02 tháng 07 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch kiểm tra kết quả xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 hoặc TCVN ISO 9001:2015 (gọi tắt là TCVN ISO 9001:2008/2015) tại các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2019 *(phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Điều 3. Kinh phí sử dụng từ nguồn ngân sách thực hiện cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2019 được ban hành kèm theo Quyết định số

3487/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hoạt động và ngân sách thực hiện cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2019.

Điều 4. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch này đảm bảo hiệu quả và chất lượng; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai, thực hiện.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nội Vụ;
- Báo Đắk Lắk;
- Đài PTTH tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Các Phòng: KT, KSTTHC; TT Công báo;
- Lưu: VT, TH, KT, KGVX (Ng-15b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Hà

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, ÁP DỤNG, DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2008/2015 TẠI CÁC CƠ QUAN THUỘC HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Kèm theo Quyết định số: 1780 /QĐ-UBND, ngày 09 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh)

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
1.	Văn phòng UBND tỉnh (*)	Sở KH&CN		X		
2.	Cục Thuế tỉnh (*)	-nt-		X		
3.	Sở Công Thương (*)	-nt-		X		
4.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội (*)	-nt-		X		
5.	Sở Xây dựng (*)	-nt-		X		
6.	Sở Giáo dục và Đào tạo (*)	-nt-		X		
7.	Sở Tài nguyên môi trường (*)	-nt-		X		
8.	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (*)	-nt-		X		
9.	Sở Y tế (*)	-nt-		X		
10.	Sở Ngoại vụ (*)	-nt-		X		
11.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch (*)	-nt-		X		
12.	Thanh tra tỉnh (*)	-nt-		X		
13.	Sở Khoa học và Công nghệ (*)	-nt-		X		
14.	Sở Kế hoạch và Đầu tư (*)	-nt-		X		
15.	Sở Tư pháp (*)	-nt-		X		
16.	Sở Giao thông vận tải (*)	-nt-		X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
17.	Sở Thông tin & Truyền thông (*)	-nt-		X		
18.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-nt-		X		
19.	Sở Nội vụ (*)	-nt-		X		
20.	Sở Tài chính (*)	-nt-		X		
21.	Cục Hải quan tỉnh	-nt-		X		
22.	Bảo hiểm xã hội tỉnh	-nt-		X		
23.	Kho bạc Nhà nước tỉnh	-nt-		X		
24.	Ban Dân tộc tỉnh	-nt-		X	X	Tháng 9/2019
25.	Chi cục Thủy sản	-nt-		X	X	Tháng 9/2019
26.	Chi cục Phát triển Nông thôn	-nt-		X	X	Tháng 9/2019
27.	Chi cục An toàn VSTP	-nt-		X	X	Tháng 9/2019
28.	Chi cục Bảo vệ Môi trường	-nt-		X	X	Tháng 9/2019
29.	Chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật	-nt-		X		
30.	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	-nt-		X		
31.	Chi cục Kiểm lâm	-nt-		X		
32.	Chi cục Thủy lợi	-nt-		X		
33.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	-nt-		X		
34.	Chi cục Dân số KHHGĐ	-nt-		X		
35.	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	-nt-		X		
36.	Cục Quản lý thị trường tỉnh	-nt-		X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
37.	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng	-nt-		X		
38.	UBND thành phố Buôn Ma Thuột (*)	-nt-		X		
39.	UBND huyện Krông Búk	-nt-		X	X	Tháng 9/2019
40.	UBND huyện Lắk	-nt-		X	X	Tháng 9/2019
41.	UBND huyện Krông Pắc	-nt-		X	X	Tháng 9/2019
42.	Văn phòng UBND huyện Ea H'leo	-nt-		X	X	Tháng 9/2019
43.	Phòng TC-KH huyện Ea H'leo	-nt-		X	X	Tháng 9/2019
44.	Phòng TM-MT huyện Ea H'leo	-nt-		X	X	Tháng 9/2019
45.	Văn phòng UBND huyện M'Đrắk	-nt-		X	X	Tháng 9/2019
46.	Phòng TC-KH huyện M'Đrắk	-nt-		X	X	Tháng 9/2019
47.	Phòng TM-MT huyện M'Đrắk	-nt-		X	X	Tháng 9/2019
48.	UBND huyện Cư M'gar	-nt-		X		
49.	UBND Thị xã Buôn Hồ	-nt-		X		
50.	Văn phòng UBND huyện Buôn Đôn	-nt-		X		
51.	Phòng TC-KH huyện Buôn Đôn	-nt-		X		
52.	Phòng TM-MT huyện Buôn Đôn	-nt-		X		
53.	Văn phòng UBND huyện Ea Súp	-nt-		X		
54.	Phòng TC-KH huyện Ea Súp	-nt-		X		
55.	Phòng TM-MT huyện Ea Súp	-nt-		X		
56.	UBND huyện Ea Kar	-nt-		X		
57.	UBND huyện Cư Kuin	-nt-		X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
58.	Văn phòng UBND huyện Krông Ana	-nt-		X		
59.	Phòng TC-KH huyện Krông Ana	-nt-		X		
60.	Phòng TM-MT huyện Krông Ana	-nt-		X		
61.	Văn phòng UBND huyện Krông Bông	-nt-		X		
62.	Phòng TC-KH huyện Krông Bông	-nt-		X		
63.	Phòng TM-MT huyện Krông Bông	-nt-		X		
64.	Văn phòng UBND huyện Krông Năng	-nt-		X		
65.	Phòng TC-KH huyện Krông Năng	-nt-		X		
66.	Phòng TM-MT huyện Krông Năng	-nt-		X		
UBND cấp xã thuộc thị xã Buôn Hồ						
67.	UBND phường An Lạc	UBND thị xã Buôn Hồ	Sở KH&CN	X	X	Tháng 9/2019
68.	UBND phường An Bình	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
69.	UBND phường Thiện An	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
70.	UBND phường Thống Nhất	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
71.	UBND xã Bình Thuận	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
72.	UBND xã Cư Bao	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
73.	UBND xã Ea Drông	Sở KH&CN		X		
74.	UBND phường Bình Tân	Sở KH&CN		X		
75.	UBND phường Đạt Hiếu	Sở KH&CN		X		
76.	UBND xã Ea Blang	Sở KH&CN		X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
77.	UBND phường Đoàn Kết	Sở KH&CN		X		
78.	UBND xã Ea Siên	Sở KH&CN		X		
UBND cấp xã thuộc huyện Krông Búk						
79.	UBND xã Ea Sin	UBND huyện Krông Búk	Sở KH&CN	X	X	Tháng 9/2019
80.	UBND xã Cư Né	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
81.	UBND xã Chư Kbô	Sở KH&CN		X		
82.	UBND xã Cư Pơng	-nt-		X		
83.	UBND xã Tân Lập	-nt-		X		
84.	UBND xã Ea Ngai	-nt-		X		
85.	UBND xã Pơng Drang	-nt-		X		
UBND cấp xã thuộc thành phố Buôn Ma Thuột						
86.	UBND phường Thắng Lợi	UBND TP. Buôn Ma Thuột	Sở KH&CN	X	X	Tháng 9/2019
87.	UBND phường Thành Công	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
88.	UBND phường Thành Nhất	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
89.	UBND phường Thống Nhất	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
90.	UBND phường Tự An	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
91.	UBND phường Ea Tam	Sở KH&CN		X		
92.	UBND phường Khánh Xuân	-nt-		X		
93.	UBND phường Tân Tiến	-nt-		X		
94.	UBND xã Ea Kao	-nt-		X		
95.	UBND xã Ea Tu	-nt-		X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
96.	UBND xã Hòa Phú	-nt-		X		
97.	UBND xã Hòa Thắng	-nt-		X		
98.	UBND phường Tân An	-nt-		X		
99.	UBND phường Tân Hòa	-nt-		X		
100.	UBND phường Tân Lập	-nt-		X		
101.	UBND phường Tân Lợi	-nt-		X		
102.	UBND phường Tân Thành	-nt-		X		
103.	UBND xã Cư ÊBur	-nt-		X		
104.	UBND xã Hòa Khánh	-nt-		X		
105.	UBND xã Hòa Xuân	-nt-		X		
106.	UBND xã Hòa Thuận	-nt-		X		
UBND cấp xã thuộc huyện Krông Pắc						
107.	UBND xã Hòa Đông	UBND huyện Krông Pắc	Sở KH&CN	X	X	Tháng 9/2019
108.	UBND xã Hòa An	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
109.	UBND xã Ea Phê	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
110.	UBND xã Ea Kuăng	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
111.	UBND xã Ea Knuêc	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
112.	UBND TT Phước An	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
113.	UBND xã Vụ Bổn	Sở KH&CN		X		
114.	UBND xã Krông Búk	-nt-		X		
115.	UBND xã Hòa Tiến	-nt-		X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
116.	UBND xã Ea Uy	-nt-		X		
117.	UBND xã Ea Kly	-nt-		X		
118.	UBND xã Ea Kênh	-nt-		X		
119.	UBND xã Ea Hiu	-nt-		X		
120.	UBND xã Ea Yông	-nt-		X		
121.	UBND xã Ea Yiêng	-nt-		X		
122.	UBND xã Tân Tiến	-nt-		X		
UBND cấp xã thuộc huyện Cư Mgar						
123.	UBND xã Ea Kpam	UBND huyện Cư Mgar	Sở KH&CN	X	X	Tháng 9/2019
124.	UBND TT Quảng Phú	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
125.	UBND xã Ea H'đinh	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
126.	UBND xã Ea Drơng	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
127.	UBND xã Cuôr Đăng	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
128.	UBND xã Cư Suê	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 9/2019
129.	UBND xã Ea M'dróh	Sở KH&CN		X		
130.	UBND xã Ea Kuêh	-nt-		X		
131.	UBND TT Ea Pốk	-nt-		X		
132.	UBND xã Quảng Tiến	-nt-		X		
133.	UBND xã Quảng Hiệp	-nt-		X		
134.	UBND xã Ea Tul	-nt-		X		
135.	UBND xã Ea Tar	-nt-		X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
136.	UBND xã Ea M'nang	-nt-		X		
137.	UBND xã Cư M'gar	-nt-		X		
138.	UBND xã Cư Dliê M'nông	-nt-		X		
139.	UBND xã Ea Kiết	-nt-		X		
UBND cấp xã thuộc huyện Ea Súp						
140.	UBND xã Ia Jlơi	UBND huyện Ea Súp	Sở KH&CN	X	X	Tháng 10/2019
141.	UBND xã Ea Rốk	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
142.	UBND xã Ea Bung	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
143.	UBND xã Ea Lê	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
144.	UBND thị trấn Ea Súp	Sở KH&CN		X		
145.	UBND xã Ya Tờ Mốt	-nt-		X		
146.	UBND xã Cư Kbang	-nt-		X		
147.	UBND xã Cư Mlan	-nt-		X		
148.	UBND xã Ia Lốp	-nt-		X		
149.	UBND xã Ia Rvê	-nt-		X		
UBND cấp xã thuộc huyện Lắk						
150.	UBND xã Đăk Nuê	UBND huyện Lắk	Sở KH&CN	X	X	Tháng 10/2019
151.	UBND xã Đăk Phơi	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
152.	UBND xã Nam Ka	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
153.	UBND xã Ea R'bin	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
154.	UBND thị trấn Liên Sơn	Sở KH&CN		X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
155.	UBND xã Yang Tao	-nt-	-nt-	X		
156.	UBND xã Bông Krang	-nt-	-nt-	X		
157.	UBND xã Đăk Liêng	-nt-	-nt-	X		
158.	UBND xã Buôn Tría	-nt-		X		
159.	UBND xã Buôn Triết	-nt-		X		
160.	UBND xã Krông Nô	-nt-		X		
UBND cấp xã thuộc huyện Cư Kuin						
161.	UBND xã Ea Ning	UBND huyện Cư Kuin	Sở KH&CN	X	X	Tháng 10/2019
162.	UBND xã Ea Hu	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
163.	UBND xã Ea Ktur	Sở KH&CN		X		
164.	UBND xã Dray Bhăng	-nt-		X		
165.	UBND xã Hòa Hiệp	-nt-		X		
166.	UBND xã Ea Bhốk	-nt-		X		
167.	UBND xã Cư Êwi	-nt-		X		
168.	UBND xã Ea Tiêu	-nt-		X		
UBND cấp xã thuộc huyện Krông Năng						
169.	UBND xã Tam giang	UBND huyện Krông Năng	Sở KH&CN	X	X	Tháng 10/2019
170.	UBND xã Ea Dăh	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
171.	UBND xã Ea Púk	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
172.	UBND xã Cư klông	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
173.	UBND thị trấn Krông Năng	Sở KH&CN		X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
174.	UBND xã Phú lộc	-nt-		X		
175.	UBND xã Ea tóh	-nt-		X		
176.	UBND xã Ea tân	-nt-		X		
177.	UBND xã Phú xuân	-nt-		X		
178.	UBND xã Dliêya	-nt-		X		
179.	UBND xã Ea hồ	-nt-		X		
180.	UBND xã Ea tam	-nt-		X		
UBND cấp xã thuộc huyện Krông Bông						
181.	UBND xã Ea Trul	UBND huyện Krông Bông	Sở KH&CN	X	X	Tháng 10/2019
182.	UBND xã Yang Reh	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
183.	UBND xã Cư Đrăm	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
184.	UBND xã Yang Mao	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
185.	UBND xã Hòa Tân	Sở KH&CN		X		
186.	UBND xã Hòa Thành	-nt-		X		
187.	UBND xã Dang Kang	-nt-		X		
188.	UBND xã Hòa Lễ	-nt-		X		
189.	UBND xã Hòa Phong	-nt-		X		
190.	UBND xã Hòa Sơn	-nt-		X		
191.	UBND xã Khuê Ngọc Điền	-nt-		X		
192.	UBND xã Cư Pui	-nt-		X		
193.	UBND thị trấn Krông Kmar	-nt-		X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
194.	UBND xã Cư Kty	-nt-		X		
UBND cấp xã thuộc huyện Krông Ana						
195.	UBND xã Quảng Điền	UBND huyện Krông Ana	Sở KH&CN	X	X	Tháng 10/2019
196.	UBND xã Bình Hòa	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
197.	UBND thị trấn Buôn Trấp	Sở KH&CN		X		
198.	UBND xã Dray Sáp	-nt-		X		
199.	UBND xã Dur Kmăl	-nt-		X		
200.	UBND xã Ea Bông	-nt-		X		
201.	UBND xã Ea Na	-nt-		X		
202.	UBND xã Băng Adrênh	-nt-		X		
UBND cấp xã thuộc huyện Ea Kar						
203.	UBND Thị trấn Ea Kar	UBND huyện Ea Kar	Sở KH&CN	X	X	Tháng 10/2019
204.	UBND Xã Cư Huê	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
205.	UBND Xã Xuân Phú	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
206.	UBND Xã Ea Sar	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
207.	UBND Xã Ea Kmut	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
208.	UBND Xã Ea Sô	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
209.	UBND TT Ea Knốp	Sở KH&CN		X		
210.	UBND Xã Ea Ô	-nt-		X		
211.	UBND Xã Ea Păl	-nt-		X		
212.	UBND Xã Ea Tih	-nt-		X		

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
213.	UBND Xã Cư Yang	-nt-		X		
214.	UBND Xã Cư Ni	-nt-		X		
215.	UBND Xã Ea Dar	-nt-		X		
216.	UBND Xã Cư Bông	-nt-		X		
217.	UBND Xã Cư Elang	-nt-		X		
218.	UBND Xã Cư Prông	-nt-		X		
UBND cấp xã thuộc huyện Ea H'leo						
219.	UBND thị trấn Ea Drăng	UBND huyện Ea H'leo	Sở KH&CN	X	X	Tháng 10/2019
220.	UBND Xã Ea Nam	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
221.	UBND Xã Ea Hiao	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
222.	UBND Xã Ea Sol	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
223.	UBND Xã Cư Mốt	Sở KH&CN		X		
224.	UBND Xã Ea Wy	-nt-		X		
225.	UBND Xã Cư Amung	-nt-		X		
226.	UBND Xã Dliê Yang	-nt-		X		
227.	UBND Xã Ea Khăl	-nt-		X		
228.	UBND Xã Ea H' Leo	-nt-		X		
229.	UBND Xã Ea Ral	-nt-		X		
230.	UBND Xã Ea Tir	-nt-		X		
UBND cấp xã thuộc huyện Buôn Đôn						
231.	UBND Xã Ea Bar	UBND huyện Buôn Đôn	Sở KH&CN	X	X	Tháng 10/2019

TT	Tên cơ quan chịu sự kiểm tra	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị phối hợp	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
232.	UBND Xã Cuôr Knia	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
233.	UBND Xã Tân Hòa	Sở KH&CN		X		
234.	UBND Xã Ea Huar	-nt-		X		
235.	UBND Xã Ea Nuôl	-nt-		X		
236.	UBND Xã Ea Wer	-nt-		X		
237.	UBND Xã Krông Na	-nt-		X		
UBND cấp xã thuộc huyện M'Đrắk						
238.	UBND Thị trấn M'Drắk	UBND huyện M'Đrắk	Sở KH&CN	X	X	Tháng 10/2019
239.	UBND Xã Krông Jing	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
240.	UBND Xã Ea Pil	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
241.	UBND xã Ea Lai	-nt-	-nt-	X	X	Tháng 10/2019
242.	UBND Xã Ea Trang	Sở KH&CN		X		
243.	UBND Xã Krông Á	-nt-		X		
244.	UBND Xã Cư Mta	-nt-		X		
245.	UBND Xã Cư San	-nt-		X		
246.	UBND Xã Cư Kroă	-nt-		X		
247.	UBND Xã Ea Mđoal	-nt-		X		
248.	UBND Xã Ea Mlây	-nt-		X		
249.	UBND Xã Ea Riêng	-nt-		X		
250.	UBND Xã Cư Prao	-nt-		X		

(*) Các Cơ quan phải chuyển đổi sang phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong năm 2019